ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II
Môn Ngữ văn lớp 7

Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau:

Công cha như núi Thái Sơn,
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.
Một lòng thờ mẹ, kính cha,
Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con.

Câu 1. **Văn bản trên thuộc thể loại nào?**
A. Ca dao. B. Tục ngữ. C. vè. D. câu đố .
Câu 2. **Hãy xác định thể thơ của văn bản?**
A. Thơ tự do.
B. Thơ ngũ ngôn.
C. Thơ lục bát.
D. Thơ song thất lục bát.
Câu 3. Nội dung của văn bản là gì?
A. Ca ngợi công lao sinh thành, dưỡng dục của cha mẹ.
B. Ca ngợi công sinh thành dưỡng dục trời biển của cha mẹ, nhắc nhở mỗi người con phải sống có hiếu.
C. Nhắc tới công ơn sinh thành của cha mẹ.
D. Nhắc nhở người làm con phải có hiếu với cha mẹ .
Câu 4. Văn bản trên viết về chủ đề gì ?
A. Tình cảm gia đình
B. Tình yêu quê hương đất nước.
C. Tình yêu đôi lứa.
D. Tình yêu thương con người.
Câu 5. **Địa danh được nhắc đến trong văn bản là gì?**
A. Núi Tản Viên.
B. Biển Đông .
C. Núi Thái Sơn.
D. Núi Hồng Lĩnh.
Câu 6. **Theo em, trong các từ sau từ nào là từ Hán Việt?**
A. Công cha.
B. Nghĩa mẹ.
C. Thờ mẹ.
D. Thái sơn.
Câu 7. Chỉ ra các biện pháp tu từ trong hai câu đầu văn bản?
A. Liệt kê.
B. So sánh.
C. Hoán dụ.
D. Ẩn dụ.
Câu 8. Văn bản đã sử dụng những biện pháp nghệ thuật đặc sắc nào?**?**
A. Sử dụng từ ngữ, hình ảnh, có giá trị biểu cảm cao.
B. Âm điệu nhịp nhàng như lời tâm tình nhắn nhủ.
C. Sử dụng thế thơ truyền thống của văn học dân tộc.
D. Tất cả đều đúng
Câu 9. Hãy kể thêm một văn bản mà em biết có cùng chủ đề với văn bản trên?
Câu 10 . Qua văn bản em rút ra được bài học gì cho bản thân ?
II. VIẾT (4.0 điểm)

Có ý kiến cho rằng: *"Trong quá trình học tập thì tự học là con đường ngắn nhất để dẫn đến thành công"*. Em hãy viết bài văn bày tỏ quan điểm của mình về ý kiến trên?

---------- Hết ----------

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II
Môn: Ngữ văn lớp 7

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		**ĐỌC HIỂU**	**6,0**
	1	B	0,5
	2	C	0,5
	3	B	0,5
	4	A	0,5
	5	C	0,5
	6	D	0,5
	7	B	0,5
	8	D	0,5
	9	- HS kể được : *(Giáo viên linh hoạt chấm cho học sinh)* *Công cha như núi ngất trời* *Nghĩa mẹ như nước ngời ngời biển Đông.*	1,0
	10	Bài học rút ra: - Cha mẹ đã sinh ra ta, chăm sóc dạy bảo ta. Vì thế, công ơn trời biển cha mẹ dành cho ta rất lớn. - Chúng ta phải biết ơn, đền đáp công lao đó.	1,0
II		**VIẾT**	**4,0**
		a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận	0,25
		b. Xác định đúng yêu cầu của đề. Viết bài văn nghị luận trình bày quan điểm về tinh thần tự học	0,25
		c. Yêu cầu đối với bài văn nghị luận HS có thể trình bày theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:	3,0
		- Nêu được vấn đề cần nghị luận: Có rất nhiều con đường để tích lũy tri thức: thụ động; chủ động; đối phó; qua nhiều phương tiện khác nhau. Tự học là cách hữu hiệu nhất để tiếp thu tri thức. - Giải thích khái niệm tự học: + Tự học là quá trình bản thân chủ động tích lũy tri thức, không ỷ lại phụ thuộc vào các yếu tố tác động bên ngoài. + Quá trình tự học diễn ra xuyên suốt trong quá trình học tập như tìm tòi, trau dồi, tích lũy đến khắc sâu và áp dụng tri thức. - Biểu hiện của người có tinh thần tự học: + Luôn cố gắng, nỗ lực học tập, tìm tòi những cái hay, cái mới, không ngừng học hỏi ở mọi lúc mọi nơi. + Có ý thức tự giác, không để người khác phải nhắc nhở về việc học tập của mình. + Học đến nơi đến chốn, không bỏ dở giữa chừng, có hệ thống lại bài học, rút ra bài học, kinh nghiệm cho bản thân từ lí thuyết, sách vở. - Vai trò, ý nghĩa của việc tự học: + Tự học giúp ta nhớ lâu và vận dụng những kiến thức đã học một cách hữu ích hơn trong cuộc sống. + Tự học còn giúp con người trở nên năng động, sáng tạo, không ỷ lại, không phụ thuộc vào người khác.	

		+ Người biết tự học là người có ý thức cao, chủ động trong cuộc sống của chính mình, những người này sẽ đi nhanh đến thành công hơn. - Phê phán một số người không có tinh thần tự học. - Học sinh tự lấy dẫn chứng về những người ham học, có tinh thần tự học và thành công để minh họa cho bài văn của mình. - Đánh giá, khẳng định tính đúng đắn của vấn đề nghị luận.	
		d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25
		e. Sáng tạo: Có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt, lựa chọn lí lẽ, dẫn chứng để bày tỏ ý kiến một cách thuyết phục.	0,25

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II
MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7

TT	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	**Đọc hiểu**	Ca dao	**3**	**0**	**5**	**0**	**0**	**2**	**0**		**60**
2	**Viết**	Nghị luận về một vấn đề trong đời sống.	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng			***15***	***5***	***25***	***15***	***0***	***30***	***0***	***10***	
Tỉ lệ %			**20**		**40%**		**30%**		**10%**		**100**
Tỉ lệ chung			**60%**				**40%**				

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận	Thôn	Vận	Vận

				biết	g hiểu	dụng	dụng cao
1	**Đọc hiểu**	Ca dao	**Nhận biết**: - Nhận biết được thể loại và thể thơ của văn bản. - Nhận biết được nội dung của văn bản. - Xác định được các biện pháp tu từ có trong văn bản và từ loại trong văn bản. **Thông hiểu**: - Hiểu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc. **Vận dụng:** - Rút ra được bài học cho bản thân từ nội dung, ý nghĩa của câu chuyện trong tác phẩm. - Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với bài học được thể hiện qua tác phẩm.	3TN	5TN	2TL	
2	**Viết**	Nghị luận về một vấn đề trong đời sống.	**Nhận biết:** - Nhận biết được yêu cầu của đề về kiểu văn bản, về vấn đề nghị luận. - Xác định được cách thức trình bày đoạn văn. **Thông hiểu:** Viết đúng về nội dung, về hình thức (Từ ngữ, diễn đạt, bố cục văn bản…) **Vận dụng:** Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để làm bài. **Vận dụng cao:** Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, bài văn giàu sức thuyết phục.				1TL*
Tổng				**3TN**	**5TN**	**2 TL**	**1 TL**
Tỉ lệ %				***20***	***40***	***30***	***10***
Tỉ lệ chung				**60**		**40**	